

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tổ chức công bố thông tin

- Tên Công ty: Tổng công ty PISICO Bình Định - CTCP
- Mã chứng khoán: PIS
- Địa chỉ: số 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng Thành phố Quy Nhơn – Bình Định
- Điện thoại: (0256) 3947099 Fax: (0256) 3947029
- Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đồng Thị Ánh - Tổng giám đốc

2. Nội dung công bố thông tin:

- Báo cáo tài chính riêng Quý 4/2021 đính kèm

Địa chỉ Website đăng tải: Thông tin này đã được công bố trên Website của PISICO vào ngày 28/01/2022 tại đường dẫn: www.pisico.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin được công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã được công bố.

Nơi nhận: *M*

- Như trên;
- Website PISICO;
- Ban Tổng giám đốc;
- Các phòng nghiệp vụ
- Lưu: VT.



Đồng Thị Ánh

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH
CÔNG TY CỔ PHẦN

-----❧❧❧-----

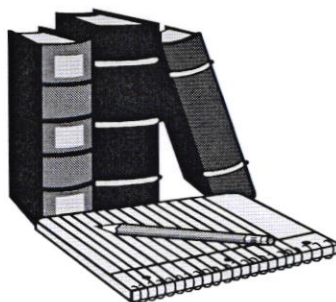


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----❧❧❧-----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 4 NĂM 2021

-----❧❧❧-----



Nơi nhận:

Bình Định, ngày tháng 01 năm 2022

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán	2 - 4
3. Báo cáo kết quả kinh doanh	5
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	6 - 7
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 30

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Mẫu B01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		164.368.783.652	158.150.426.735
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	31.922.723.510	17.211.195.131
1. Tiền	111		31.922.723.510	17.211.195.131
II. Các khoản phải thu	130		94.808.502.114	99.109.445.001
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	21.817.346.264	26.099.359.428
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	17.437.238.000	16.652.735.860
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		40.130.780.000	39.365.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	19.363.456.419	20.411.069.918
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6a	(3.940.318.569)	(3.418.720.205)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
III. Hàng tồn kho	140	V.7	35.577.520.275	39.761.444.678
1. Hàng tồn kho	141		35.577.520.275	39.761.444.678
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.060.037.753	2.068.341.925
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	452.941.525	469.853.687
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.607.096.228	1.598.488.238

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		294.356.217.048	283.338.505.828
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.951.825.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	3.951.825.000	-
I. Tài sản cố định	220		55.221.052.159	60.173.596.051
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	44.319.191.375	48.963.094.979
<i>Nguyên giá</i>	222		102.032.369.840	101.960.819.840
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(57.713.178.465)	(52.997.724.861)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	10.901.860.784	11.210.501.072
<i>Nguyên giá</i>	228		13.661.264.000	13.661.264.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.759.403.216)	(2.450.762.928)
II. Bất động sản đầu tư	230	V.11	25.072.995.195	37.584.671.210
<i>Nguyên giá</i>	231		33.607.270.817	47.581.767.270
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(8.534.275.622)	(9.997.096.060)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	6.290.409.230	5.796.972.688
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		6.290.409.230	5.223.006.318
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	573.966.370
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	196.222.240.487	172.730.817.077
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	63.741.955.290	39.561.955.290
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	127.476.363.712	127.476.363.712
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	7.451.619.996	7.451.619.996
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.447.698.511)	(1.759.121.921)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.597.694.977	7.052.448.802
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	6.160.881.049	5.970.386.893
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.22	1.436.813.928	1.082.061.909
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		458.725.000.700	441.488.932.563

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		147.786.365.555	131.492.395.322
I. Nợ ngắn hạn	310		66.059.807.683	55.474.990.909
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	10.518.806.430	11.246.443.488
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15a	9.710.390.754	5.387.140.681
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	264.207.395	605.219.820
4. Phải trả người lao động	314		5.337.275.735	3.423.858.935
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	2.694.116.610	792.929.636
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19a	2.903.396.296	3.007.250.971
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	1.501.994.548	1.379.302.104
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	32.898.113.704	29.074.113.875
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	231.506.211	558.731.399
II. Nợ dài hạn	330		81.726.557.872	76.017.404.413
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.19b	78.186.557.872	76.017.404.413
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	-	-
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	3.540.000.000	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		310.938.635.145	309.996.537.241
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	310.938.635.145	309.996.537.241
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.000.000.000	275.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.397.496.193	11.397.496.193
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.541.138.952	23.599.041.048
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.541.048	10.043.571
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24.539.597.904	23.588.997.477
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		458.725.000.700	441.488.932.563

Bình Định, ngày tháng 01 năm 2022



Hoàng Trọng Việt
Lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2021 -> 31/12/2021

Mẫu B02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	45.713.216.307	39.972.980.546	163.229.919.127	220.795.718.942
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10	VI.1	45.713.216.307	39.972.980.546	163.229.919.127	220.795.718.942
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	34.618.024.835	32.778.069.250	135.920.412.773	199.995.293.003
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	20		11.095.191.472	7.194.911.296	27.309.506.354	20.800.425.939
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.167.143.658	15.549.018.513	15.924.336.868	19.447.029.751
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	982.833.919	2.617.481.528	3.309.725.149	6.676.520.631
Trong đó: chi phí lãi vay	23		482.277.898	331.537.261	1.690.777.173	1.655.083.246
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.982.856.632	1.301.925.436	5.800.588.783	4.451.002.964
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.611.716.498	3.780.715.362	12.421.164.072	13.220.520.204
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.684.928.081	15.043.807.483	21.702.365.218	15.899.411.891
11. Thu nhập khác	31	VI.7	774.110.969	-	5.308.712.433	11.715.907.567
12. Chi phí khác	32	VI.8	19.749.110	-	445.770.176	1.016.698.145
13. Lợi nhuận khác	40		754.361.859	-	4.862.942.257	10.699.209.422
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.439.289.940	15.043.807.483	26.565.307.475	26.598.621.313
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	243.435.364	556.354.787	2.380.461.590	2.430.672.826
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(50.720.177)	342.464.839	(354.752.019)	578.951.010
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		13.246.574.753	14.144.987.857	24.539.597.904	23.588.997.477

Bình Định, ngày tháng 01 năm 2022


Hoàng Trọng Việt
Lập biểu

Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởngĐông Thị Ánh
Tổng giám đốc

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Theo phương pháp gián tiếp

Từ ngày 01/01/2021 -> 31/12/2021

Mẫu B03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		26.565.307.475	26.598.621.313
2. Điều chỉnh cho các khoản:			(9.390.532.011)	(12.490.125.195)
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	VII.1	5.720.826.232	5.810.293.880
- Các khoản dự phòng	03	VII.2	1.210.174.954	1.304.428.728
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		178.084.718	64.370.923
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VII.3	(18.190.395.088)	(21.324.301.972)
- Chi phí lãi vay	06		1.690.777.173	1.655.083.246
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.174.775.464	14.108.496.118
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(179.902.539)	30.563.317.546
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.116.521.491	(13.023.259.609)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		10.549.524.889	5.571.808.055
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(173.581.994)	197.757.399
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.685.154.122)	(1.691.022.326)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.693.381.013)	(3.958.957.204)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		57.233.625	11.930.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.258.855.188)	(1.301.349.968)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		24.907.180.613	30.478.720.011
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.071.550.000)	(3.433.879.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		15.190.758.636	8.208.708.909

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
3. Tiền cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(56.800.000.000)	(30.955.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		56.034.220.000	10.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(24.180.000.000)	(3.614.080.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	9.005.280.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		16.125.574.213	18.133.187.544
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.299.002.849	7.344.216.635
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.4	317.491.116.452	111.252.801.040
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.5	(310.241.255.430)	(123.472.003.523)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.699.136.550)	(27.494.366.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.449.275.528)	(39.713.568.983)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		14.756.907.934	(1.890.632.337)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		17.211.195.131	19.105.219.271
Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(45.379.555)	(3.391.803)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		31.922.723.510	17.211.195.131

Bình Định, ngày tháng 01 năm 2022


Hoàng Trọng Việt
Lập biểu

Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởngĐông Thị Ánh
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2021 -> 31/12/2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức vốn chủ sở hữu: Công ty cổ phần

Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần (viết tắt là PISICO) tiền thân là Tổng công ty Sản Xuất Đầu Tư Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Bình Định là Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu được thành lập theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 23/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258987 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Bình Định cấp lần đầu ngày 01/9/2010.

Ngày 17/10/2013, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 3065/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyển Tổng công ty Sản Xuất Đầu tư Dịch Vụ XNK Bình Định thành Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần.

Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 27/01/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 27 tháng 01 năm 2014.

Trụ sở chính của PISICO đặt tại 99 Tây Sơn, thành phố Quy Nhơn, Bình Định

2. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh của PISICO theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm: trồng và khai thác rừng; Tư vấn thiết kế công trình lâm sinh; Kinh doanh nguyên liệu giấy; Khai thác, chế biến và mua bán hàng nông, lâm, thủy sản; Sản xuất và mua bán hàng công nghiệp thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, may mặc, giày da; Thăm dò, khai thác, chế biến mua bán tài nguyên khoáng sản các loại; Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên phụ liệu cho ngành nông, lâm, thủy sản và vật liệu xây dựng; Mua bán máy móc, phương tiện vận tải, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, xăng dầu; Kinh doanh truyền hình cáp và vật tư, thiết bị viễn thông; Kinh doanh dịch vụ cảng biển; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ ăn uống; Dịch vụ cho thuê kho, bãi, giao nhận và bảo quản hàng hóa; Sản xuất các loại bao bì, sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo; Đầu tư hạ tầng; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng và kinh doanh bất động sản; Đầu tư tài chính vào các DN,....

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Pisico được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Cấu trúc doanh nghiệp:

a. Danh sách các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ theo GPKD	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
Công ty CP DV PT Hạ tầng P.B.C	Phường Nhơn Bình, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	15.000.000.000	99,90%	99,90%
Cty TNHH MTV truyền hình Cấp Quy Nhơn	198 Trần Hưng Đạo, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	10.000.000.000	100%	100%
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Đường số 10, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	24.500.000.000	51%	51%
Công ty TNHH Đầu tư An Việt Phát	99 Tây Sơn, Tp. Quy nhơn, Bình Định	350.000.000.000	57,14%	57,14%
Công ty TNHH MTV HR PISICO	99 Tây Sơn, Tp. Quy nhơn, Bình Định	5.000.000.000	100%	100%
Công ty CP Pisico Đăk Lăk	25 An Dương Vương, TT M-Đrăk, H.M'Đrăk, Tỉnh Đăk Lăk	15.000.000.000	70,03%	70,03%

b. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ theo GPKD	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
Công ty CP Kinh doanh CNN Bình Định	99 Tây Sơn, Tp. Quy nhơn, T. Bình Định	180.000.000.000	50,00%	50,00%
Công ty CP chế biến gỗ Nội Thất PISICO	Lô C6-C7, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	22.500.000.000	40,01%	40,01%
Công ty CP PISICO Hà Thanh	Cụm Công nghiệp Canh Vinh, Vân Canh, Bình Định	23.800.000.000	44,97%	44,97%
Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định (Gián tiếp)	Đường Tây Sơn, Phường Nhơn Phú, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	9.000.000.000	45,00%	22,95%

c. Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

► Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu Pisico

Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Nhơn Phú, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

► Xí nghiệp Lâm nghiệp Pisico

Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

► Xí nghiệp kinh doanh và Phát triển hạ tầng Pisico

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của PISICO bắt đầu từ ngày 01/01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty và các chi nhánh trực thuộc. Các giao dịch và số dư nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá được chọn để áp dụng trong kế toán: tỷ giá được niêm yết tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại trình bày ngắn và dài hạn khi lập Báo cáo tài chính dựa trên kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Pisico được trích lập phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay được phân loại trình bày ngắn và dài hạn khi lập Báo cáo tài chính dựa trên kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo.

Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được trích lập phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản khác mà Pisico nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Công ty con là các công ty do Pisico kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Pisico có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty liên kết là một công ty mà Pisico có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Pisico. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Pisico không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được phân loại trình bày ngắn và dài hạn khi lập Báo cáo tài chính dựa trên thời gian thu hồi còn lại kể từ thời điểm báo cáo.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà có bằng chứng cho thấy người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm trị giá mua vào của hàng tồn kho, các chi phí thu mua (nếu có), các chi phí gia công sản xuất (nếu có)... để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm phát sinh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập phù hợp với các quy định kế toán hiện hành, và khi có bằng chứng cho thấy giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Tài sản khác	04 - 10 năm

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất và các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn thì không khấu hao theo quy định hiện hành. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất là 50 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 4 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Pisico nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Pisico phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến BĐS đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ, khoản lãi lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Chi phí trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả:

Nợ phải trả phản ánh các khoản nợ mà Pisico phải trả phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm các khoản phải trả cho người bán, cho Nhà nước, cho công nhân viên và các khoản phải trả khác.

Nợ phải trả được phân loại trình bày ngắn và dài hạn khi lập Báo cáo tài chính dựa trên thời gian thanh toán còn lại kể từ thời điểm báo cáo.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản khác như khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay.....

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Pisico đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Pisico không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Pisico sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Pisico có quyền nhận khoản lãi.

13. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN áp dụng trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất do điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay các chi phí không được khấu trừ thuế hoặc được khấu trừ ở các năm khác (bao gồm cả số lỗ mang sang, nếu có).

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính dựa trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất, và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó phát sinh liên quan đến khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Pisico có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp, và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế, và Pisico có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Tiền mặt	1.696.007.875	747.570.243
Tiền gửi ngân hàng	30.226.715.635	16.463.624.888
Cộng	31.922.723.510	17.211.195.131

2. Các khoản đầu tư tài chính

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Cổ phiếu	Giá trị	Cổ phiếu	Giá trị
c.1 Đầu tư vào Công ty con	-	63.741.955.290	-	39.561.955.290
- Cty CP DV PT Hạ tầng P.B.C	1.498.500	37.605.000.000	1.062.500	13.625.000.000
- Cty Truyền hình cáp Quy Nhơn		5.469.524.664	-	5.469.524.664
Nhon		14.101.830.626	-	14.101.830.626
- Cty TNHH MTV HR PISICO		5.000.000.000		5.000.000.000
- Cty TNHH Đầu tư An Việt Phát		200.000.000		-
- Cty CP PISICO Đắc Lắc	136.560	1.365.600.000	136.560	1.365.600.000

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Cổ phiếu	Giá trị	Cổ phiếu	Giá trị
c.2 Đầu tư vào Cty liên kết	-	127.476.363.712	-	127.476.363.712
- Công ty CP Kinh doanh CNN Bình Định	9.000.000	110.011.633.155	9.000.000	110.011.633.155
- Công ty CP chế biến gỗ Nội thất PISICO	900.300	7.796.250.557	900.300	7.796.250.557
- Công ty CP PISICO - Hà Thanh	1.070.278	9.668.480.000	1.070.278	9.668.480.000
c.3 Đầu tư dài hạn khác	-	7.451.619.996	-	7.451.619.996
- Cổ phiếu VICOSIMEX	3.000	35.000.000	3.000	35.000.000
- Công ty CP CB tinh bột sắn Bình Định	355.810	3.639.669.130	355.810	3.639.669.130
- Cty CP CB LS PISICO Quảng Nam	22.750	3.776.950.866	22.750	3.776.950.866
Cộng	-	198.669.938.998	-	174.489.938.998

c.4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Dự phòng đầu tư vào các Công ty con	1.563.792.538	875.215.948
- Công ty TNHH MTV HR PISICO	1.563.792.538	875.215.948
Dự phòng đầu tư vào các khoản đầu tư dài hạn khác	883.905.973	883.905.973
- Công ty CP chế biến tinh bột sắn XK Bình Định	883.905.973	883.905.973
Cộng	2.447.698.511	1.759.121.921

3. Phải thu khách hàng

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	21.817.346.264	26.099.359.428
Văn phòng Tổng Công ty	566.986.012	4.589.707.788
CTY TNHH TM ÁNH VIỆT	21.984.736	46.267.418
CTY TNHH TM ÁNH VY	43.751.556	278.042.038
Cty CP PISICO Hà Thanh	-	3.767.018.400
Khách hàng khác	501.249.720	498.379.932
Xí nghiệp chế biến lâm sản xuất khẩu PISICO	15.743.847.250	15.892.565.914
Công ty TNHH TM Ánh Vy	4.850.323.270	6.384.830.464
AGRA VIS RAIFFEISEN	-	2.143.139.544
EUROMATE GMBH	1.785.445.189	2.177.707.247

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
LANDI SCHWEIZ AG	-	863.019.535
OBI	7.076.203.995	3.842.217.269
Khách hàng SIPLEC	1.240.235.500	-
Khách hàng khác	791.639.296	481.651.855
Xí nghiệp kinh doanh & Phát triển Hạ tầng PISICO	5.506.513.002	5.617.085.726
CTY CP ĐT QTẾ & XNK DHT	1.366.114.783	1.234.765.247
CTY CP GỖ ĐẠI PHÚC	-	960.662.430
CTY TNHH THÀNH LUÂN	571.521.944	260.162.404
CTY TNHH HOÀNG GIA	434.664.011	469.830.304
CTY TNHH VẠN ĐẠI	1.715.861.472	1.915.861.472
CTY CỔ PHẦN PISICO - HÀ THANH	435.633.767	437.701.946
CÔNG TY TNHH SX BAO BÌ HOÀ PHÁT	330.771.568	328.021.687
Khách hàng khác	651.945.457	10.080.236
Cộng	21.817.346.264	26.099.359.428
4. Trả trước cho người bán		
	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	17.437.238.000	16.652.735.860
Văn phòng Tổng Công ty	17.432.738.000	16.347.790.000
CTY TNHH LÂM SẢN PHƯƠNG NAM	1.280.448.000	-
CTY TNHH TM ÁNH VIỆT	14.300.000.000	14.300.000.000
CTCP TƯ VẤN TK XD PHƯƠNG VIỆT	1.697.790.000	1.697.790.000
Khách hàng khác	154.500.000	350.000.000
Xí nghiệp chế biến lâm sản xuất khẩu PISICO	4.500.000	304.945.860
CTY TNHH XÂY DỰNG-SX&TM PHƯỚC AN	-	300.445.860
Cty TNHH Cơ khí Lam Sơn	4.500.000	4.500.000
Cộng	17.437.238.000	16.652.735.860
5. Phải thu khác		
	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
a. Phải thu khác ngắn hạn	19.363.456.419	20.411.069.918
Văn phòng Tổng Công ty	19.328.234.466	20.370.937.634
Công ty CP KD CNN Bình Định	-	1.159.661.796
Công ty CP chế biến Tinh bột sắn Bình Định	1.033.203.572	1.033.203.572
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	2.090.760.273	3.590.760.273

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Công ty TNHH TM Ánh Việt	3.103.010.955	2.173.510.957
Công ty TNHH TM Ánh Vy	4.708.259.385	2.146.929.985
BHXH + BHYT + BHTN (10,5%)	13.113.081	13.880.220
Cổ tức đầu tư ngoài doanh nghiệp	7.087.300.200	8.664.495.518
Các khoản phải thu tạm ứng CBCNV	1.292.587.000	1.295.087.000
Ký quỹ	-	293.408.313
Xí nghiệp chế biến lâm sản xuất khẩu PISICO	32.632.474	31.542.805
BHXH + BHYT + BHTN (10,5%)	27.962.434	27.172.765
Tạm ứng CBCNV của XN CB LS XK PISICO	4.670.040	4.370.040
Xí nghiệp kinh doanh & Phát triển Hạ tầng PISICO	2.589.479	8.589.479
BHXH + BHYT + BHTN (10,5%)	2.589.479	2.589.479
Tạm ứng CBCNV của XN KD & PT HT	-	6.000.000
b. Phải thu khác dài hạn	3.951.825.000	-
Văn phòng Tổng Công ty	3.951.825.000	-
Ký quỹ thực hiện dự án NOXH	3.951.825.000	-
Cộng	23.315.281.419	20.411.069.918

6. Dự phòng phải thu khó đòi

	Tại ngày 31/12/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị thu hồi
Ngắn hạn	5.887.771.117	3.940.318.569	2.433.619.830	6.171.177.302	3.418.720.205	2.752.457.097
Cty Vạn Đại	1.715.861.472	1.151.742.840	564.118.632	960.662.430	883.935.673	76.726.757
Cty DHT	1.366.114.783	689.513.225	676.601.558	1.234.765.247	383.278.528	851.486.719
Cty Đại Phúc	-	-	-	960.662.430	256.313.495	704.348.935
Cty Thành Luân	571.521.944	67.149.232	504.372.712	260.162.404	-	260.162.404
Cty Bao bì Hòa Phát	330.771.568	317.730.912	13.040.656	328.021.687	306.859.887	21.161.800
Cty Hoàng Gia	434.664.011	64.121.376	370.542.635	469.830.304	68.961.768	400.868.536
Cty Hà Thanh	435.633.767	130.690.130	304.943.637	437.701.946	-	437.701.946
Cty Tinh bột sắn Bình Định	1.033.203.572	1.033.203.572	-	1.033.203.572	1.033.203.572	-
Khách hàng khác	486.167.282	486.167.282	-	486.167.282	486.167.282	-
Dài hạn						
Cộng	5.887.771.117	3.940.318.569	2.433.619.830	6.171.177.302	3.418.720.205	2.752.457.097

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Nguyên liệu, vật liệu	11.818.645.291	13.941.590.356
Sản phẩm dở dang	15.950.898.382	18.805.643.190
Thành phẩm	7.162.367.080	3.555.506.703
Hàng hóa	645.609.522	3.458.704.429
Cộng	35.577.520.275	39.761.444.678

8. Tài sản dở dang dài hạn

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	6.290.409.230	5.223.006.318
- CP Rừng kinh tế	5.834.704.817	4.986.816.500
- CP dự án Nhà ở xã hội Pisico	455.704.413	236.189.818
b. Xây dựng cơ bản dở dang	-	573.966.370
XDCB TSCĐ dở dang	-	573.966.370
- XDCB Cụm công nghiệp Canh Vinh	-	573.966.370
Cộng	6.290.409.230	5.796.972.688

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
a. Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2021	64.891.444.741	23.793.244.935	11.577.614.354	810.556.469	887.959.341	101.960.819.840
Đầu tư mới	71.550.000	-	-	-	-	71.550.000
Tại ngày 31/12/2021	64.962.994.741	23.793.244.935	11.577.614.354	810.556.469	887.959.341	102.032.369.840
	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
b. Giá trị hao mòn						
Tại ngày 01/01/2021	28.334.835.297	16.696.330.847	6.362.781.497	773.641.967	830.135.253	52.997.724.861
Trích khấu hao	2.747.711.958	1.015.431.642	888.313.200	10.067.592	53.929.212	4.715.453.604
Tại ngày 31/12/2021	31.082.547.255	17.711.762.489	7.251.094.697	783.709.559	884.064.465	57.713.178.465
c. Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2021	36.556.609.444	7.096.914.088	5.214.832.857	36.914.502	57.824.088	48.963.094.979
Tại ngày 31/12/2021	33.880.447.486	6.081.482.446	4.326.519.657	26.846.910	3.894.876	44.319.191.375



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	QSD đất VP TCTy	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
a Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2021	13.607.264.000	54.000.000	13.661.264.000
Tại ngày 31/12/2021	13.607.264.000	54.000.000	13.661.264.000
b Hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2021	2.396.762.928	54.000.000	2.450.762.928
Trích khấu hao	308.640.288	-	308.640.288
Tại ngày 31/12/2021	2.705.403.216	54.000.000	2.759.403.216
c Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2021	11.210.501.072	-	11.210.501.072
Tại ngày 31/12/2021	10.901.860.784	-	10.901.860.784

11. Bất động sản đầu tư

	Cụm công nghiệp Cát Nhơn + C.Vinh
a. Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2021	47.581.767.270
Đầu tư mới	-
Giảm tài sản	13.974.496.453
Tại ngày 31/12/2021	33.607.270.817
b. Hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2021	9.997.096.060
Trích khấu hao	696.732.340
Giảm tài sản	2.159.552.778
Tại ngày 31/12/2021	8.534.275.622
c. Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2021	37.584.671.210
Tại ngày 31/12/2021	25.072.995.195

12. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Chi phí trả trước ngắn hạn	452.941.525	469.853.687
Chi phí trả trước dài hạn	6.160.881.049	5.970.386.893
Cộng	6.613.822.574	6.440.240.580

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**13. Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 01/01/2021	Tiền vay nhận được trong kỳ	Tiền vay đã trả trong kỳ	CLTG cuối kỳ	Tại ngày 31/12/2021
a. Vay ngắn hạn	29.074.113.875	313.101.116.452	309.391.255.430	114.138.807	32.898.113.704
VCB Quy Nhơn	29.074.113.875	125.101.116.452	121.391.255.430	114.138.807	32.898.113.704
Vay VND	16.594.963.056	78.379.865.047	84.138.477.749	-	10.836.350.354
Vay USD	12.479.150.819	46.721.251.405	37.252.777.681	114.138.807	22.061.763.350
Huy động khác	-	188.000.000.000	188.000.000.000	-	-
b. Vay dài hạn	-	4.390.000.000	850.000.000	-	3.540.000.000
Huy động khác	-	4.390.000.000	850.000.000	-	3.540.000.000
Tổng cộng	29.074.113.875	317.491.116.452	310.241.255.430	114.138.807	36.438.113.704

14. Phải trả người bán

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
a. Phải trả người bán ngắn hạn	10.518.806.430	11.246.443.488
Văn phòng Tổng Công ty	1.643.151.690	5.519.902.831
SCANCOM	-	2.620.420.054
CTY TNHH MTV HẬU MINH	532.985.000	1.137.824.820
Khách hàng khác	1.110.166.690	1.761.657.957
Xí nghiệp chế biến lâm sản XK PISICO	7.865.250.132	5.477.123.260
CTY TNHH TM&DV HOÀNG TRANG	759.222.539	1.096.883.357
CÔNG TY TNHH ĐỨC THÀNH	1.282.517.031	902.862.475
CỬA HÀNG PHÚC KHÔI	181.414.632	704.606.206
CTY TNHH LÂM SẢN KIM CƯƠNG	1.391.857.115	-
CTY CPSX TM VĨNH PHÚC	443.828.000	440.638.000
CTY TNHH HIẾU NAM	1.191.850.110	549.142.000
Khách hàng khác	2.614.560.705	1.782.991.222
Xí nghiệp lâm nghiệp PISICO	947.266.850	209.119.700
Cty TNHH MTV Hậu Minh	508.330.100	68.040.000
Các Khách hàng khác	438.936.750	141.079.700
Xí nghiệp kinh doanh & PT hạ tầng PISICO	63.137.758	40.297.697
TT Nước sạch & Vệ sinh MT	13.984.616	34.057.697
Khách hàng khác	49.153.142	6.240.000
Cộng	10.518.806.430	11.246.443.488



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**15. Người mua trả trước tiền hàng**

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
a. Người mua trả trước tiền hàng ngắn hạn	9.710.390.754	5.387.140.681
Văn phòng Tổng Công ty	4.650.546.406	4.782.330.624
Công ty TNHH trồng rừng Quy Nhơn	4.649.331.542	4.782.330.624
Khách hàng khác	1.214.864	-
Xí nghiệp chế biến lâm sản XK PISICO	2.169.225.069	554.810.057
KHÁCH HÀNG MIDAN GLOBAL	552.408.390	507.841.460
STI GROUP INC	1.569.848.082	
Khách hàng khác	46.968.597	46.968.597
Xí nghiệp kinh doanh & PT hạ tầng PISICO	2.890.619.279	50.000.000
Công ty TNHH SX Gia Hưng	50.000.000	50.000.000
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ TÀI	2.840.619.279	-
Cộng	9.710.390.754	5.387.140.681

16. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại ngày 31/12/2021	
				Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT bán hàng nội địa	-	778.160.903	778.160.903	-	-
Thuế GTGT hàng NK	-	175.793.898	175.793.898	-	-
Thuế thu nhập DN	556.354.787	2.380.461.590	2.693.381.013	243.435.364	-
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Thuế nhà đất, thuế đất	-	341.009.115	341.009.115	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	48.865.033	315.977.324	344.070.326	20.772.031	-
Cộng	605.219.820	3.997.402.830	4.338.415.255	264.207.395	-
	-	-	-	-	-

17. Chi phí phải trả

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
a. Ngắn hạn	2.694.116.610	792.929.636
Lãi vay phải trả	19.022.784	13.399.733
Thù lao HĐQT, thư ký và BKS không chuyên trách	75.000.000	69.000.000
Các khoản chi khác	237.966.886	417.187.014
Tiền ăn ca	125.565.000	126.669.000
Phí hoa hồng môi giới	636.001.940	166.673.889
Chi phí khai thác, trồng rừng thương mại	1.600.560.000	-
Cộng	2.694.116.610	792.929.636

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**18. Phải trả khác**

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
a. Ngắn hạn	1.501.994.548	1.379.302.104
Kinh phí công đoàn	994.752.269	819.125.907
CTY TNHH ĐT XD AV AN LỘC PHÁT	-	89.722.500
Tiền cọc thuê Văn phòng	113.000.000	113.000.000
Giá trị bảo hành các hạng mục XD CB	10.000.000	10.000.000
Trợ cấp thôi việc + bảo hiểm xã hội	11.099.400	11.099.400
Phải trả cổ tức	41.229.525	17.262.450
Lãi huy động vốn phải trả	31.163.014	-
Phải trả công đoàn TCTy	233.091.847	319.091.847
Các khoản phải trả khác	67.658.493	-
Cộng	1.501.994.548	1.379.302.104

19. Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
a. Ngắn hạn	2.903.396.296	3.007.250.971
Cho thuê Văn phòng làm việc	253.035.000	249.255.000
Cho thuê cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp	2.650.361.296	2.757.995.971
b. Dài hạn	78.186.557.872	76.017.404.413
Cho thuê cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp	78.186.557.872	76.017.404.413
Cộng	81.089.954.168	79.024.655.384

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ Khen thưởng	Quỹ Phúc lợi	Quỹ thưởng Ban QLĐH	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2021	318.867.970	239.863.429	-	558.731.399
Tăng trong năm	311.630.000	500.000.000	120.000.000	931.630.000
- Trích trong năm	290.000.000	500.000.000	120.000.000	910.000.000
- Thu khác trong năm	21.630.000	-	-	21.630.000
Giảm trong năm	404.430.000	734.425.188	120.000.000	1.258.855.188
- Chi trong năm	404.430.000	734.425.188	120.000.000	1.258.855.188
Tại ngày 31/12/2021	226.067.970	5.438.241	-	231.506.211

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2020	275.000.000.000	11.397.496.193	28.042.039.652	314.439.535.845
Lợi nhuận 2020	-	-	23.588.997.477	23.588.997.477
Chia cổ tức	-	-	(27.500.000.000)	(27.500.000.000)
Quỹ khen thưởng	-	-	(288.397.257)	(288.397.257)
Quỹ phúc lợi	-	-	(123.598.824)	(123.598.824)
Quỹ thưởng BĐH	-	-	(120.000.000)	(120.000.000)
Tại ngày 31/12/2020	275.000.000.000	11.397.496.193	23.599.041.048	309.996.537.241
Tại ngày 01/01/2021	275.000.000.000	11.397.496.193	23.599.041.048	309.996.537.241
Lợi nhuận 2021	-	-	24.539.597.904	24.539.597.904
Chia cổ tức	-	-	(22.687.500.000)	(22.687.500.000)
Quỹ khen thưởng	-	-	(290.000.000)	(290.000.000)
Quỹ phúc lợi	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Quỹ thưởng BĐH	-	-	(120.000.000)	(120.000.000)
Tại ngày 31/12/2021	275.000.000.000	11.397.496.193	24.541.138.952	310.938.635.145

Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Các cổ đông khác	3,17	8.730.000.000	3,17	8.730.000.000
Công ty TNHH TM Ánh Vy	96,83	266.270.000.000	96,83	266.270.000.000
Cộng	-	275.000.000.000	-	275.000.000.000

Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.500.000	27.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.500.000	27.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		

22. Tài sản thuế TNDN hoãn lại

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Thuế suất thuế TNDN để XĐ giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế TNDN hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ	4.595.743.417	4.595.743.417
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.158.929.489)	(3.513.681.508)
	1.436.813.928	1.082.061.909

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán:**

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
a. Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	708.300,94	202.469,48
- Văn phòng Tổng Công ty	708.300,94	202.469,48
<i>Tiền gửi Ngân hàng Vietcombank Quy Nhơn</i>	<i>708.020,56</i>	<i>202.175,90</i>
<i>Tiền gửi Ngân hàng ĐT&PT Bình Định</i>	<i>280,38</i>	<i>293,58</i>
EURO	202,53	262,95
b. Nợ khó đòi đã xử lý	5.623.669.639	5.623.669.639
Công ty CP XNK Bình Định (tại Văn phòng)	3.794.772.973	3.794.772.973
Cty CP CBLS Hưng Phú (tại Chi nhánh Tp.HCM)	1.828.896.666	1.828.896.666

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	163.229.919.127	220.795.718.942
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	163.229.919.127	220.795.718.942

Trong đó:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	75.758.570.738	142.798.615.503
Doanh thu cung cấp dịch vụ	81.622.119.025	72.254.677.554
Doanh thu cho thuê và dịch vụ hạ tầng khu công nghiệp	5.849.229.364	5.742.425.885

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm và hàng hóa	63.781.382.060	135.383.488.452
Giá vốn cung cấp dịch vụ	68.662.512.050	61.214.773.285
Giá vốn cho thuê và dịch vụ hạ tầng khu công nghiệp	3.476.518.663	3.397.031.266
Cộng	135.920.412.773	199.995.293.003

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi Ngân hàng	16.738.659	12.010.344
Thu lãi ứng vốn và chậm thanh toán	3.700.882.638	4.413.811.819
Cổ tức và lợi nhuận được chia	11.661.925.200	14.635.472.318
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	544.790.371	385.735.270
Cộng	15.924.336.868	19.447.029.751

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.690.777.173	1.655.083.246
Chênh lệch tỷ giá trong kỳ	752.286.668	373.589.621
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	178.084.718	64.370.923
Lỗ từ hoạt động đầu tư ngoài DN	688.576.590	4.583.476.841
Cộng	3.309.725.149	6.676.520.631

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	3.285.950.004	1.404.054.585
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.727.438.345	810.030.016
Chi phí khác	787.200.434	2.236.918.363
Cộng	5.800.588.783	4.451.002.964

6. Chi phí quản lý

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3.770.668.914	3.974.293.983
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	487.676.334	876.083.750
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.407.356.289	2.348.611.708
Chi phí dự phòng	521.598.364	528.121.487
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.993.973.427	3.018.010.225
Chi phí khác	2.239.890.744	2.475.399.051
Cộng	12.421.164.072	13.220.520.204

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi từ thanh lý TSCĐ	2.801.848.591	6.070.177.091
Xử lý nợ	9.000.000	826.755.059
Thu nhập từ đền bù GPMB	2.463.216.000	4.712.858.000
Thu nhập khác	34.647.842	106.117.417
Cộng	5.308.712.433	11.715.907.567

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lập hồ sơ thẩm định đường lâm sinh bị thu hồi	426.000.000	1.015.465.920
Các khoản chi khác	19.770.176	1.232.225
Cộng	445.770.176	1.016.698.145

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận trước thuế	26.565.307.475	26.598.621.313
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận :	3.681.153.896	2.898.901.885
- CP Khấu hao TSCĐ ô tô trên 1,6 tỷ	121.220.000	121.220.000
- Lãi đánh giá SD ngoại tệ năm trước	-	172.273
- Lỗ đánh giá SD ngoại tệ năm nay	63.945.911	4.664.630
- Các khoản điều chỉnh khác	3.495.987.985	2.772.844.982
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận:	13.243.164.302	17.344.159.069
- Lợi nhuận đầu tư ngoài doanh nghiệp	11.661.925.200	15.767.584.597
- Lỗ đánh giá SD ngoại tệ năm trước	4.664.630	-
- Các khoản điều chỉnh khác	1.576.574.472	1.576.574.472
Tổng thu nhập chịu thuế	17.003.297.069	12.153.364.129
- Thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%	3.400.659.414	2.430.672.826
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	(1.020.197.824)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.380.461.590	2.430.672.826

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.769.148.992	23.820.081.991
Chi phí nhân công	31.002.925.301	25.565.302.758
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.720.826.232	5.810.293.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.186.520.400	51.472.634.482
Chi phí khác bằng tiền	15.288.621.699	15.918.138.457
Cộng	154.968.042.624	122.586.451.568

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Khấu hao tài sản cố định**

	Năm nay	Năm trước
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	4.715.453.604	4.791.421.252
Khấu hao tài sản cố định vô hình	308.640.288	322.140.288
Khấu hao bất động sản	696.732.340	696.732.340
Cộng	5.720.826.232	5.810.293.880

2. Các khoản dự phòng

	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	688.576.590	(256.896.331)
Dự phòng phải thu khó đòi	521.598.364	1.561.325.059
Cộng	1.210.174.954	1.304.428.728

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	(16.738.659)	(12.010.344)
Lãi tiền cho vay vốn, chậm thanh toán	(3.700.882.638)	(4.413.811.819)
Lãi lỗ đầu tư ngoài doanh nghiệp	(11.661.925.200)	(10.828.302.718)
Lợi nhuận từ thanh lý tài sản	(2.801.848.591)	(6.070.177.091)
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư khác	(9.000.000)	-
Cộng	(18.190.395.088)	(21.324.301.972)

4. Tiền thu từ đi vay

	Năm nay	Năm trước
Tiền vay ngân hàng	313.101.116.452	111.252.801.040
Cộng	313.101.116.452	111.252.801.040

5. Tiền chi trả nợ gốc vay

	Năm nay	Năm trước
Tiền vay ngân hàng	(310.241.255.430)	(123.472.003.523)
Cộng	(310.241.255.430)	(123.472.003.523)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên có liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Quan hệ
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	Công ty con
Công ty CP DV PT Hạ tầng PBC	Công ty con
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư An Việt Phát	Công ty con
Công ty TNHH MTV HR PISICO	Công ty con
Công ty CP KD CNN Bình Định	Công ty liên kết
Công ty Bidina Lào	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ nội thất Pisico	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Công ty liên kết
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH khoáng sản Việt Lâm	Cùng chủ sở hữu

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**- Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan:**

Bên liên quan	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	Lợi nhuận nhận được	2.200.000.000	1.500.000.000
	Trả tiền huy động vốn	-	4.000.000.000
	Lãi vay	-	60.624.658
	Cho thuê VP	480.000.000	480.000.000
Công ty CP DV PT Hạ tầng PBC	Lợi nhuận được chia	749.250.000	-
	Lãi huy động vốn	18.891.781	-
	Huy động vốn	2.600.000.000	-
	Hoàn vốn đã huy động	850.000.000	-
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Lợi nhuận được chia	62.475.000	1.499.400.000
	Trả nợ	-	2.710.000.000
Cty TNHH MTV HR PISICO	Huy động vốn	1.790.000.000	-
	Cho thuê VP	148.858.149	111.031.684
	Lãi huy động vốn	12.271.233	-
	Lãi ứng vốn	210.053.240	489.913.996
Công ty CP CNN Bình Định	Ứng vốn	-	5.545.000.000
	Thu hồi vốn đã ứng	5.734.220.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Nội thất Pisico	Bán hàng	1.178.426.135	2.346.309.854
	Cổ tức được chia	5.851.950.000	3.151.050.000
Công ty Đầu tư An Việt Phát	Góp vốn	200.000.000	-
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Bán hàng hoá	1.857.188.500	6.081.355.900
	Cho thuê CSHT	396.030.697	802.145.905
	Cổ tức được chia	963.250.200	2.029.032.000
	Mua hàng	-	102.033.030.082
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Cho thuê VP	83.005.575	99.151.824
	Lãi ứng trước tiền hàng	929.499.998	1.068.510.957
	Thu hồi ứng trước	-	2.700.000.000
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	Lãi ứng trước tiền hàng	-	795.760.273
	Thu hoàn ứng trước	-	43.000.000.000
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Cho thuê VP	183.223.625	115.237.524
	Doanh thu bán gỗ	1.184.534.000	5.244.080.916
	Mua vật tư trừ công nợ	1.534.507.194	565.153.585
	Cho vay	56.800.000.000	25.410.000.000
	Thu hồi nợ vay	50.300.000.000	6.000.000.000
	Lãi cho vay	2.561.329.400	2.059.626.593
	Trả cổ tức	21.967.275.000	26.627.000.000

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**- Số dư với các bên liên quan:**

Bên liên quan	Khoản mục	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	Phải thu khác ngắn hạn	1.200.000.000	-
		-	-
	Phải thu khác	749.250.000	-
Công ty CP DV PT Hạ tầng PBC	Phải trả khác	18.891.781	
	Vay dài hạn	1.750.000.000	
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Phải thu khác ngắn hạn	-	1.499.400.000
Cty TNHH MTV HR PISICO	Vay dài hạn	1.790.000.000	-
	Phải trả khác	12.271.233	-
Công ty CP CNN Bình Định	Phải thu về cho vay	-	5.734.220.000
	Phải thu khác ngắn hạn	-	1.159.661.796
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Nội thất Pisico	Phải thu khác ngắn hạn	3.151.050.000	3.151.050.000
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Phải thu khách hàng	435.633.767	4.204.720.346
	Phải thu khác ngắn hạn	963.250.200	2.029.032.000
	Phải thu khách hàng	21.984.736	46.267.418
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Ứng trước cho người bán	14.300.000.000	14.300.000.000
	Phải thu khác ngắn hạn	3.103.010.955	2.173.510.957
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	Phải thu khác ngắn hạn	2.090.760.273	3.590.760.273
	Phải thu khách hàng	4.894.074.826	6.662.872.502
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Phải thu về cho vay	40.130.780.000	33.630.780.000
	Phải thu khác ngắn hạn	4.708.259.385	2.146.929.985

Bình Định, ngày tháng 01 năm 2022



Hoàng Trọng Việt
Lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh
Tổng giám đốc